

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 26/4/2019

Về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Cường và ông Nguyễn Văn Cao.

Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Hồng Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch:Không tham gia.

Vào hồi 13giờ 30phút, ngày 26 tháng 4 năm 2019. Tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2018/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX – ST ngày 18/3/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ph, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Vũ Thạch, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình. (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Phạm Vũ Th kết hôn với nhau vào ngày 12/8/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống với gia đình bên chồng tại xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th không có công ăn việc làm ổn định, không chí thú làm ăn mà thường xuyên bài bạc, đánh đập vợ con, vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2015, một mình chị trực tiếp nuôi con, anh Th không hề có trách nhiệm, cuộc sống hôn nhân không tồn tại trên thực tế, tuy nhiên khi đặt vấn đề ly hôn thì anh Th không có ý kiến và cũng không phối hợp thực hiện, gây khó khăn cho chị. Nay xét thấy trong cuộc sống không hề nhờ cậy gì được anh Th, vợ chồng sống không hạnh phúc và không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân

không đạt được, nên chị làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th để tìm kiếm cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Thái S, sinh ngày 18/02/2014. Sau khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Th đóng góp phí tổn nuôi con chung. Lý do anh Th không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Phía bị đơn trình bày: Quá trình tìm hiểu, kết hôn, thời gian chung sống và con chung như chị Ph đã trình bày và khẳng định sau khi kết hôn vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn và hai bên đã sống ly thân nhau từ năm 2015, tuy nhiên anh đề nghị Toà án cho anh một thời gian rồi anh sẽ đến Toà án để giải quyết. Tuy nhiên sau đó Toà án đã rất nhiều lần triệu tập anh Th đến làm việc và tiến hành hoà giải, nhưng anh Th đều vắng mặt không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, ngày 17/12/2018 Toà án đã triệu tập anh Th đến Toà án làm việc nhưng anh Th vắng mặt không có lý do chính đáng, ngày 03/01/2019 anh Th đến Toà án trình bày với nội dung như đã nêu trên; Ngày 29/01/2019 Toà án tiếp tục triệu tập anh Th đến Toà án để tiến hành hoà giải lần 1 nhưng anh Th vắng mặt không có lý do chính đáng; Ngày 08/3/2019 Toà án tiếp tục triệu tập anh Th đến Toà án để tiến hành hoà giải lần 2 nhưng anh Th vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Toà án tổng đạt giấy tờ hợp lệ.

Ngày 18/3/2019 Toà án nhân dân huyện Bồ Trách quyết định đưa vụ án ra xét xử vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 08/4/2019 và tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự đến phiên tòa hợp lệ nhưng tại phiên tòa anh Th tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng nên phải hoãn phiên tòa, đồng thời ấn định lại thời gian xét xử vụ án vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 26/4/2019 nhưng tại phiên tòa bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Bồ Trách quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Phạm Vũ Th.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ph và anh Th kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống theo nguyên đơn trình bày cuộc sống không hạnh phúc, sau đó vì nhiều lý do khác nhau mà phát sinh mâu thuẫn như đã trình bày ở trên, vợ chồng sống ly thân nhau đã một thời gian, trong cuộc sống không ai còn quan tâm đến ai và theo lời khai của anh Th thì nội dung trùng hợp với lời khai của chị Ph, tuy nhiên anh Th không có phương pháp để dung hoà mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập các bên đến để hoà giải, tuy nhiên chỉ chị Ph có mặt đầy đủ theo yêu cầu của Toà án còn anh Th thì luôn vắng mặt không có lý do chính đáng và chỉ có đơn trình bày với nội dung như đã nêu trên,

do đó Toà án không thể tiến hành hoà giải để phân tích, giải thích cho các đương sự thấy được ưu, nhược điểm của bản thân, dung hoà mâu thuẫn trở về chung sống.

Đặc biệt trong tất cả các lần làm việc với Toà án chị Ph đều một mực cương quyết ly hôn với lý do không thể tiếp tục chung sống với anh Th được nữa, chứng tỏ phía chị Ph không còn tình cảm gì với anh Th, còn anh Th thì đề nghị Toà án cho thêm thời gian để tìm cách cải thiện mâu thuẫn, tuy nhiên anh Th chỉ trình bày như vậy nhưng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ tình cảm giữa các bên. Xem xét mối quan hệ hôn nhân giữa các bên, Hội đồng xét xử thấy: Tình cảm vợ chồng là phải xuất phát từ hai phía, các bên trong cuộc phải có trách nhiệm và hành động yêu thương, giúp đỡ, chia sẻ, đùm bọc... lẫn nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình chứ không phải chỉ là những lời nói suông để níu kéo và ràng buộc hôn nhân. Tại phiên toà chị Ph một mực kiên quyết xin được ly hôn anh Th, xem xét tình hình thực tế thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghỉ cần xử cho chị Ph được ly hôn anh Th là có căn cứ.

[2.2] Về quan hệ con cái:

Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Thái S, sinh ngày 18/02/2014. Sau khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Th đóng góp phí tổn nuôi con chung. Lý do anh Th không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập. Hội đồng xét xử thấy rằng trách nhiệm nuôi dưỡng con chưa thành niên là của vợ hoặc chồng khi ly hôn, tuy nhiên hiện nay con đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ là cần thiết để đảm bảo cho con ổn định tâm sinh lý, phát triển thể chất bình thường, mặt khác theo chị Ph thì khi quan hệ hôn nhân đang tồn tại mà anh Th không hề có trách nhiệm gì với vợ con, nên chị cũng không trông chờ gì ở anh Th và cam kết có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con trưởng thành. Do đó trước mắt cần giao con chung cho chị Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc chị Ph không yêu cầu anh Th đóng góp phí tổn nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội cần chấp nhận. Vì vậy anh Th không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị Ph phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Ph được ly hôn anh Phạm Vũ Th.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Phạm Thái S , sinh ngày 18/02/2014 cho chị Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng , anh Th không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng chị Ph. Sau khi ly hôn anh Phạm Vũ Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Th thực hiện quyền này, khi cần thiết một trong các bên đương sự cũng có quyền yêu cầu Tòa án xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung và không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; điểm a Điều 24 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị Trần Thị Ph phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2017/0002995 ngày 06/12/2018, chị Ph đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo : Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAQB;
- VKSND huyện BT;
- Chi cục THADSBT;
- UBND phường Đ;
- Lưu HSVA; Lưu AV;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Quảng

